

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 05 - 02 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 348/2C, đường D, khu phố 2, thị trấn T, huyện C, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 271/3, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh L.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10/02/2020, bà có cho bà L vay số tiền 160.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Sau khi vay tiền, bà L đã trả cho bà được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng, bà có đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay còn nợ là 120.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Bà Trương Thị Kim L là bị đơn trình bày:

Vào năm 2014 bà có vay của bà N số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, mục đích bà vay tiền là để làm ăn. Sau khi vay tiền mỗi tháng bà đã trả cho bà N tiền lãi là 10.800.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Sau đó do làm ăn thua lỗ nên bà không có khả năng trả tiền lãi nữa, vào ngày 10/02/2020, bà N yêu cầu bà viết giấy nợ số tiền 160.000.000 đồng, bà N đã cộng tiền lãi 40.000.000 đồng vào số tiền gốc nên giấy nợ mới ghi số tiền vay là 160.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 06 tháng.

Nay bà đồng ý trả cho bà N số tiền 120.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay kinh tế của bà rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trương Thị Kim L. Bà L cư trú tại huyện C, tỉnh L, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày không thống nhất: Bà N cho rằng có cho bà L vay số tiền 160.000.000 đồng, bà L cho rằng vào năm 2014 bà có vay của bà N số tiền 120.000.000 đồng, mỗi tháng bà trả lãi 10.800.000 đồng, sau đó bà L không có khả năng trả tiền lãi nữa nên ngày 10/02/2020, bà N yêu cầu bà L viết giấy nợ số tiền 160.000.000 đồng nhưng bà L không có chứng cứ gì chứng minh.

Căn cứ theo giấy nợ có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 10/02/2020, bà L có vay của bà N số tiền 160.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và có kỳ hạn.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả cho bà N số tiền 120.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng vì hiện nay kinh tế của bà L rất khó khăn nhưng không được phía bà N đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ theo quy định tại các Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: (120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Trương Thị Kim L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trương Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trương Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000649 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh